

Số/No.: 15/2025/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày ... tháng 03 năm 2025

Ho Chi Minh City, March ... 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: ASP
- Địa chỉ/Address : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/ Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.
Audited Separate and Consolidated financial statements 2024 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../03/2025 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on March ... 2025, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2024/ Audited separate financial statements 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024/ Audited consolidated financial statements 2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



TRẦN DUY LUÂN



Số: 45/2025_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC Hợp Nhất năm 2024 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Hợp Nhất năm 2024 và kết quả hoạt động kinh doanh Hợp Nhất đạt được trong năm 2024 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2024 tăng so với năm 2023 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán năm 2024	Số liệu đã kiểm toán năm 2023	Chênh lệch (VNĐ)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.253.649.495	391.878.035.501	(71.624.386.006)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	16.644.876.070	14.664.127.973	1.980.748.097
3 Chi phí tài chính	48.211.612.756	71.329.582.126	(23.117.969.370)
4 Chi phí bán hàng	208.241.444.926	259.383.095.272	(51.141.650.346)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.897.447.236	199.791.326.851	(111.893.879.615)
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.965.811.512)	(125.199.655.221)	119.233.843.709
7 Chi phí khác	1.348.481.698	14.657.990.787	(13.309.509.089)
8 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.339.097.480	(154.050.997.281)	159.390.094.761

1. Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 71.624.386.006 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bán hàng và giá bán giảm làm doanh thu bán hàng và lãi gộp giảm so với cùng kỳ
 - Doanh thu tài chính tăng 1.980.748.097 đồng nguyên nhân do lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh tăng so với cùng kỳ.
 - Chi phí tài chính giảm 23.117.969.370 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay giảm và chi phí dự phòng đầu tư tài chính giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí bán hàng giảm 51.141.650.346 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương, chi phí nguyên vật liệu, chi phí phân bổ vỏ bình gas, chi phí sơn sửa kiểm định vỏ bình gas giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí quản lý giảm 111.893.879.615 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lương, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí chi phí công tác, hội nghị giảm so với cùng kỳ.
 - Chi phí khác giảm 13.309.509.089 đồng nguyên nhân chủ yếu là do chi bán thanh lý tài sản, chi phí thuê kho, văn phòng của hàng tại các chi nhánh giảm so với cùng kỳ.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận Hợp Nhất sau thuế của năm 2024 tăng 159.390.094.761 đồng so với năm 2023.

2. Điều chỉnh hồi tố BCTC Hợp Nhất năm 2023

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty

đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do đánh giá lại giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty con, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Bảng cân đối kế toán (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.309.627.181.665	1.218.787.408.937	(90.839.772.728)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	890.473.498.514	799.633.725.786	(90.839.772.728)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	836.463.678.770	745.623.906.042	(90.839.772.728)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	962.228.479.381	993.658.991.252	31.430.511.871
Tài sản dài hạn khác	260	556.932.013.322	588.362.525.193	31.430.511.871
Chi phí trả trước dài hạn	261	544.752.264.660	576.182.776.531	31.430.511.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.271.855.661.046	2.212.446.400.189	(59.409.260.857)
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.881.448.429.012	1.891.889.442.914	10.441.013.902
Nợ ngắn hạn	310	1.647.573.925.363	1.646.216.619.310	(1.357.306.053)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.848.214.203	12.490.908.150	(1.357.306.053)
Nợ dài hạn	330	233.874.503.649	245.672.823.604	11.798.319.955
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	9.305.685.464	21.104.005.419	(11.798.319.955)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	390.407.232.034	320.556.957.275	(69.850.274.759)
Vốn chủ sở hữu	410	390.407.232.034	320.556.957.275	(69.850.274.759)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(14.917.352.286)	(84.767.270.589)	(69.849.918.303)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>(83.431.904.385)</i>	<i>(153.281.822.688)</i>	<i>(69.849.918.303)</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	30.189.286.104	30.188.929.648	(356.456)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.271.855.661.046	2.212.446.400.189	(59.409.260.857)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí bán hàng	25	275.867.289.568	259.383.095.272	(16.484.194.296)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	182.943.723.971	199.791.326.851	16.847.602.880
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(124.836.246.637)	(125.199.655.221)	(363.408.584)
Thu nhập khác	31	67.634.216.941	8.588.364.668	(59.045.852.273)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(71.860.020.483)	(131.269.281.340)	(59.409.260.857)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.804.884.413	1.447.578.360	(1.357.306.053)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	9.535.817.626	21.334.137.581	11.798.319.955
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(84.200.722.522)	(154.050.997.281)	(69.850.274.759)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(83.431.904.385)	(153.281.822.688)	(69.849.918.303)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(768.818.137)	(769.174.593)	(356.456)

3. Vấn đề nhấn mạnh BCTC Hợp Nhất năm 2024.

Các biện pháp và lộ trình khắc phục vấn đề trong Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 73.833.099.166 VND mà Kiểm toán đã nêu tại Vấn đề cần nhấn mạnh như sau:

• **Thứ nhất: Giải pháp và lộ trình khắc phục về quản trị:**

Công ty đã tiến hành hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự quản trị mới đã thay thế các cán bộ quản lý cấp cao và các thành viên HĐQT.

Công ty đang tăng cường rà soát và hoàn thiện tổ chức nhân sự tại Công ty mẹ và các Công ty con, cơ cấu nhân sự thay đổi người đại diện vốn, quản lý vốn tại các công ty liên kết nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị các Công ty.

• **Thứ hai: Giải pháp về kinh doanh:**

Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp để cải thiện hiệu quả kinh doanh từ tháng 06/2024, từ đàm phán giảm giá vốn đầu vào, cắt giảm chi phí và tăng sản lượng kinh doanh. Hiện nay, Công ty vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đã có lợi nhuận từ kinh doanh.

• **Thứ ba: Giải pháp về quản trị các khoản đầu tư tài chính:**

Công ty đã triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính ngắn hạn. Công ty đang đánh giá lại hiệu quả các khoản đầu tư tài chính mua bán sát nhập trong những năm qua và thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả. Nguồn tài chính thu về từ thoái vốn sẽ giảm tình trạng mất cân đối vốn ngắn hạn hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty đã gia hạn hạn mức tín dụng hiện nay với các tổ chức tín dụng đến năm 2026, đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh ổn định của Công ty.

Với các giải pháp, phương án kinh doanh của Công ty đã và sẽ thực hiện trong năm 2025, Công ty chúng tôi cam kết đảm bảo việc hoạt động liên tục và có hiệu quả kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm tới để khắc phục hoàn toàn tình hình lỗ trong hoạt động kinh doanh và lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính.

4. Gải trình số liệu chênh lệch trước và sau kiểm toán

Chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán năm 2024	Số liệu trước kiểm toán năm 2024	Chênh lệch (VND)
	1	2	3=1-2
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.253.649.495	323.943.757.585	(3.690.108.090)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	16.644.876.070	15.517.927.347	1.126.948.723
3 Chi phí tài chính	48.211.612.756	48.454.046.031	(242.433.275)
4 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.486.167.841	3.792.724.157	(2.306.556.316)
5 Chi phí bán hàng	208.241.444.926	227.347.102.340	(19.105.657.414)
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	87.897.447.236	75.562.414.235	12.335.033.001
7 Lợi nhuận khác	7.294.993.075	8.321.723.057	(1.026.729.982)
8 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.339.097.480	3.839.413.830	1.499.683.650

Nguyên nhân chênh lệch:

- Lợi nhuận gộp sau kiểm toán giảm 3.690.108.090 đồng nguyên nhân do điều chỉnh phân loại lại chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán.

- Doanh thu tài chính sau kiểm toán tăng 1.126.948.723 đồng nguyên nhân do tính lại lãi chênh lệch tỉ giá tại Công ty CP Dầu Khí An Pha .
- Chi phí tài chính sau kiểm toán giảm 242.466.275 đồng nguyên nhân do tính lại lỗ chênh lệch tỉ giá tại Công ty CP Dầu Khí An Pha.
- Phần lãi trong các công ty liên kết sau kiểm toán giảm 2.306.556.316 đồng nguyên nhân do tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý 4 năm 2024 một số công ty liên kết chưa ghi nhận đầy đủ dữ liệu lên BCTC riêng sau kiểm toán các công ty đã ghi nhận đầy đủ nên có sự chênh lệch này.
- Chi phí bán hàng sau kiểm toán giảm 19.105.657.414 đồng nguyên nhân do điều chỉnh phân loại lại chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán ở một số công ty, phân loại lại sang chi phí quản lý tại Công ty CP Dầu khí An Pha và trích lập thêm chi phí hao hụt hàng tồn kho tại Công ty Bình Minh.
- Chi phí quản lý sau kiểm toán tăng 12.335.033.001 đồng nguyên nhân do phân loại lại từ chi phí bán hàng sang chi phí quản lý và hoàn nhập thêm chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi tại Công ty Minh Thảo.
- Lợi khác sau kiểm toán giảm 1.026.729.982 đồng nguyên nhân do trích lập bổ sung chi phí dự phòng nợ khó đòi các khoản ký quỹ, nhận ký quỹ dài hạn tại các công ty Đức Hải, Minh Gia và Minh Thảo.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 trên báo cáo sau kiểm toán điều chỉnh tăng 1.499.683.650 đồng so với báo cáo trước kiểm toán.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Lưu VT, NQTCTY

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



坂本 晋一朗
SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 61

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 03/7/2024) Thành viên (đến ngày 03/7/2024)
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/8/2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Kobayhashi Naoki	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/5/2024)
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/5/2024)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/5/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Miễn nhiệm ngày 13/5/2024)
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/5/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Sakamoto Shinichiro

Phó Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-ASP ngày 27/6/2024 của Tổng Giám đốc)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Số: 157/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 28/3/2025, từ trang 06 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 74.017.361.672 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, việc tái cấu trúc mô hình hoạt động và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với các vấn đề sau đây:

- Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - một Công ty con của Công ty, đã ghi nhận thu nhập khác từ chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình với giá trị là 59.045.852.273 VND theo Hợp đồng số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 22/12/2023. Tuy nhiên, sau đó Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh đã ký kết Hợp đồng mua lại tài sản đã bán số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 27/3/2024. Việc ghi nhận thu nhập khác đối với giao dịch chuyển nhượng nêu trên trong năm 2023 là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Trong năm 2024, Công ty con đã quyết định điều chỉnh hồi tố sai sót từ nghiệp vụ nêu trên. Do vậy, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Chúng tôi chưa nhận được Biên bản đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ của các Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2023, đồng thời, các thủ tục thay thế khác đã được chúng tôi thực hiện nhưng cũng không giúp chúng tôi thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Trong năm hiện hành, vấn đề này đã được xử lý, do vậy, không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các căn cứ mà Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha - một Công ty con của Công ty, đã sử dụng để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên số dư nợ phải thu khách hàng với giá gốc là 49.271.889.737 VND, số đã trích lập là 49.271.889.737 VND. Trong năm hiện hành, chúng tôi đã nhận được đầy đủ tài liệu về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu nhằm mục đích trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023. Do vậy, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất này.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		809.260.745.299	1.218.787.408.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	189.235.485.622	215.989.245.836
1. Tiền	111		129.235.485.622	215.989.245.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.200.000.000	71.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.200.000.000	71.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		512.293.093.307	799.633.725.786
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	524.959.435.850	745.623.906.042
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.831.984.414	43.743.078.758
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	20.925.000.000	10.875.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	24.265.038.419	80.789.598.644
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(69.699.715.604)	(81.406.748.296)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		11.350.228	8.890.638
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	68.517.151.486	100.305.631.204
1. Hàng tồn kho	141		74.010.032.518	100.305.631.204
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.492.881.032)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.015.014.884	31.458.806.111
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	6.926.165.194	7.116.771.351
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.115.568.510	23.930.707.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	4.973.281.180	411.327.213

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	01/01/2024	31/12/2024
			(Trình bày lại)	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200			751.074.152.640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			39.267.098.590
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5		13.737.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6		25.529.778.590
II. Tài sản cố định	220			109.444.419.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11		25.869.602.965
- Nguyên giá	222			181.688.829.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(155.819.226.811)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12		83.574.816.248
- Nguyên giá	228			108.165.491.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(24.590.675.301)
III. Bất động sản đầu tư	230			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13		-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2		129.167.240.172
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			129.167.240.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			16.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254			(16.340.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260			473.195.394.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9		469.574.901.391
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14		2.895.985.956
3. Lợi thế thương mại	269	5.15		724.507.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270			1.560.334.897.939
				2.212.446.400.189

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

				01/01/2024 (Trình bày lại)
		31/12/2024		
NGUỒN VỐN	MS	TM	VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.253.234.664.905	1.891.889.442.914
I. Nợ ngắn hạn	310		1.198.593.325.555	1.646.216.619.310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	593.987.591.296	891.382.434.199
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.040.488.007	3.081.595.413
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.134.797.024	12.490.908.150
4. Phải trả người lao động	314		8.201.810.313	8.938.846.232
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	3.300.454.775	1.886.779.433
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	90.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	5.192.338.993	37.457.997.812
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	581.083.711.345	690.415.924.269
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II. Nợ dài hạn	330		54.641.339.350	245.672.823.604
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	10.658.453.030	11.278.453.028
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	19.545.549.446	130.356.115.157
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	7.409.790.000	82.934.250.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.14	17.027.546.874	21.104.005.419
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		307.100.233.034	320.556.957.275
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	307.100.233.034	320.556.957.275
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(74.017.361.672)	(84.767.270.589)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.146.787.427)	68.514.552.099
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.129.425.755	(153.281.822.688)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.982.296.490	30.188.929.648
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.560.334.897.939	2.212.446.400.189

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.334.606.586.974	3.828.566.252.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	27.869.612.267	105.873.416.118
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	3.306.736.974.707	3.722.692.836.005
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.986.483.325.212	3.330.814.800.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		320.253.649.495	391.878.035.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.644.876.070	14.664.127.973
7. Chi phí tài chính	22	6.4	48.211.612.756	71.329.582.126
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.173.672.415	39.511.685.191
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.486.167.841	(1.237.814.446)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	208.241.444.926	259.383.095.272
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	87.897.447.236	199.791.326.851
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(5.965.811.512)	(125.199.655.221)
12. Thu nhập khác	31	6.7	8.643.474.773	8.588.364.668
13. Chi phí khác	32	6.7	1.348.481.698	14.657.990.787
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	7.294.993.075	(6.069.626.119)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.329.181.563	(131.269.281.340)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	48.812.971	1.447.578.360
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(4.058.728.888)	21.334.137.581
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.339.097.480	(154.050.997.281)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.129.425.755	(153.281.822.688)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.790.328.275)	(769.174.593)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	191	(4.105)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lai Văn Tú



Lai Văn Tú




Sakamoto Shinichiro

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2024	Năm 2023
		VND	(Trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.329.181.563	(131.269.281.340)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	25.067.580.605	40.803.802.893
- Các khoản dự phòng	03	(2.349.559.705)	91.820.437.207
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(958.186.574)	(114.250.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.995.395.139)	(9.173.228.817)
- Chi phí lãi vay	06	25.173.672.415	39.511.685.191
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	40.267.293.165	31.579.165.134
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	231.212.081.779	(174.404.540.506)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.615.724.120	(10.592.088.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(237.488.359.162)	237.543.373.890
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	85.439.467.447	87.949.477.844
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.653.562.175)	(40.847.424.116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.469.704.558)	(13.735.462.881)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	110.922.940.616	117.492.501.358
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.570.962.000)	(61.762.843.294)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.201.778.276	4.122.698.945
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.900.000.000)	(131.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	94.723.500.000	155.406.427.713
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.543.523.669)	(20.107.217.674)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.110.293.283	8.856.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.893.334.557	10.676.717.286
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	29.914.420.447	(34.008.217.024)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	(Trình bày lại) VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.279.044.173.411	2.346.674.904.493
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.446.710.926.335)	(2.336.876.507.639)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(26.881.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(167.666.752.924)	9.771.515.724
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(26.829.391.861)	93.255.800.058
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		215.989.245.836	122.733.445.778
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		75.631.647	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	189.235.485.622	215.989.245.836

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Lai Văn Tú

Kế toán trưởng



Lai Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2024 là 664 người (tại ngày 31/12/2023 là 1.520 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như công bố trên Công thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,56%	98,56%	98,56%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (i)	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
4	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
5	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia (ii)	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ-DHG ngày 15/3/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải (“Công ty Đức Hải”), Công ty Đức Hải đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

(ii) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm ngưng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Các Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35.00%	35.00%	35.00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49.00%	49.00%	49.00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49.00%	49.00%	49.00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49.00%	49.00%	49.00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49.00%	49.00%	49.00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35.00%	35.00%	35.00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20.00%	20.00%	20.00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33.00%	33.00%	33.00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40.54%	40.54%	40.54%
10	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40.73%	40.73%	40.73%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giả định về hoạt động liên tục

Trong năm 2024, kết quả kinh doanh của Công ty đã được cải thiện hơn so với năm 2023, tuy nhiên, tại ngày 31/12/2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 74.017.361.672 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, việc tái cấu trúc mô hình hoạt động và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc mô hình quản lý của Công ty, trong đó giải thể và tổ chức lại các phòng ban nhằm hướng đến việc quản trị Công ty tốt hơn;
- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;
- Xem xét chuyển nhượng các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà không đem lại hiệu quả;
- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2024.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải thu (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm các địa điểm sau đây:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/02/2051);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (thời hạn sử dụng đất đến ngày 13/7/2057);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (thời hạn sử dụng đất đến ngày 02/6/2048).

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)****Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí son sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước khi Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa nhận được hóa đơn hoặc có hồ sơ có liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.272.036.118	4.011.133.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.927.564.038	210.513.528.569
Tiền đang chuyển (i)	35.885.466	1.464.584.202
Các khoản tương đương tiền (ii)	60.000.000.000	-
Tổng	189.235.485.622	215.989.245.836

(i) Khoản tiền Công ty đã nộp vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo có của Ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, với lãi suất áp dụng là 4,2%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.200.000.000	20.200.000.000	71.400.000.000	71.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.200.000.000	20.200.000.000	71.400.000.000	71.400.000.000
Tổng	20.200.000.000	20.200.000.000	71.400.000.000	71.400.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết			147.639.930.405		129.167.240.172	111.940.555.625		81.416.523.753
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	16.185.089.150	10.725.395.625	(i)	14.971.135.772
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	-	1.470.000.000	(i)	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	-	2.385.320.000	(i)	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	-	7.513.340.000	(i)	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	1.290.516.538	2.940.000.000	(i)	1.621.755.833
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	10.705.749.189	13.650.000.000	(i)	9.749.195.249
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	16.291.534.559	34.000.000.000	(i)	17.185.293.283
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	16.211.366.280	20.000.000.000	(i)	18.632.643.616
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	40,54%	40,54%	19.256.500.000	(i)	17.476.150.888	19.256.500.000	(i)	19.256.500.000
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	40,73%	40,73%	35.699.374.780	31.922.587.500	51.006.833.568	-		-
Tổng			147.639.930.405		129.167.240.172	111.940.555.625		81.416.523.753

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			16.340.000.000		(16.340.000.000)	18.254.000.000		(16.340.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng			6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)	6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung						1.914.000.000	(i)	-
Tổng			16.340.000.000		(16.340.000.000)	18.254.000.000		(16.340.000.000)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2024. Cụ thể, tại ngày 31/12/2024, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 7.500 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu. Đồng thời, tại ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty do tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty là 40,73% sau khi Công ty Cổ phần MT Gas thực hiện tăng vốn thông qua đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Các giao dịch với các Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.3 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	22.916.343.615	59.956.721.818
Công ty TNHH Dầu khí Phát Tiến	-	9.083.977.272
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	30.017.648.777	28.892.655.888
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	21.242.915.418	12.346.196.223
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	(i)	12.788.181.808
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	7.253.189.744	7.338.179.159
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	5.590.538.653	9.101.555.929
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	8.401.831.451	26.488.590.564
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	8.680.426.623	-
Công ty TNHH Hải Linh	9.111.152.900	8.188.096.600
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	14.639.989.743	60.106.468.187
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	7.528.303.493	44.663.787.190
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	38.270.228.768
Công ty Cổ phần MT Gas	43.934.711.764	(ii)
Các đối tượng khác	345.642.383.669	428.399.266.636
Tổng	524.959.435.850	745.623.906.042
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>201.505.617.902</i>	<i>278.687.690.835</i>

(i) Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang là Công ty con của Công ty trong năm 2024.

(ii) Công ty Cổ phần MT Gas từ Công ty con trở thành Công ty liên kết của Công ty trong năm 2024, do vậy, Công ty không có thông tin so sánh để trình bày tại ngày 01/01/2024.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	-	24.995.000.000
Các đối tượng khác	6.052.343.696	12.968.438.040
Tổng	11.831.984.414	43.743.078.758
<i>Trong đó,</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>-</i>	<i>24.995.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	20.925.000.000	10.875.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp	-	2.600.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (i)	475.000.000	4.275.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (iii)	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas (iv)	1.450.000.000	-
b) Dài hạn	13.737.320.000	13.737.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (v)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	34.662.320.000	24.612.320.000
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>30.662.320.000</i>	<i>18.012.320.000</i>

(i) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 01 tháng 01 hàng năm dương lịch.

(ii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 31/12/2024, được gia hạn đến ngày 31/12/2025 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐVV/ASP-TP/2024 ngày 01/7/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng vay vốn số 0110/2024/HĐCV/ASP-HVGC ngày 01/10/2024. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas.

(v) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	24.265.038.419	(1.777.532.983)	80.789.598.644	(1.402.434.632)
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	238.311.368	-	831.761.143	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	5.639.000.000	-	3.725.000.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	321.652.568	-	330.740.648	-
Tạm ứng cho nhân viên	7.264.476.800	(1.108.532.983)	8.885.963.562	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.659.379.000	-	58.342.737.955	-
Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	889.195.480	-	3.618.721.101	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (iii)	6.000.000.000	-	-	-
Các khoản khác	853.023.203	(669.000.000)	4.654.674.235	(1.402.434.632)
b) Dài hạn	25.529.778.590	-	131.153.446.348	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	25.344.778.589	-	119.188.446.347	-
Ông Trần Quốc Bửu (iv)	185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư	-	-	4.780.000.000	-
Ông Vũ Thanh Hòa	-	-	-	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (iii)	-	-	6.000.000.000	-
Tổng	49.794.817.009	(1.777.532.983)	211.943.044.992	(1.402.434.632)
<i>Trong đó,</i>				
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>	<i>853.709.177</i>	<i>-</i>	<i>4.018.721.101</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>				

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng		61.976.303.793	1.186.795.136	(60.789.508.657)		74.224.672.946	-	(74.224.672.946)
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	Trên 3 năm	16.905.567.752	-	(16.905.567.752)	Trên 3 năm	22.632.978.051	-	(22.632.978.051)
Các khách hàng nhận chuyển giao từ Công ty Gia Định	Trên 3 năm	12.034.838.292	-	(12.034.838.292)	Trên 3 năm	12.034.838.292	-	(12.034.838.292)
Các đối tượng khác	Từ trên 6 tháng đến trên 3 năm	33.035.897.749	1.186.795.136	(31.849.102.613)	Trên 3 năm	39.556.856.603	-	(39.556.856.603)
Trả trước cho người bán		7.079.223.976	-	(7.079.223.976)		5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)	Trên 3 năm	5.779.640.718	-	(5.779.640.718)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.299.583.258	-	(1.299.583.258)		-	-	-
Phải thu khác		1.830.982.971	-	(1.830.982.971)		1.402.434.632	-	(1.402.434.632)
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	Trên 3 năm	1.108.532.983	-	(1.108.532.983)				
Phải thu khác	Trên 3 năm	722.449.988	-	(722.449.988)	Trên 3 năm	1.402.434.632	-	(1.402.434.632)
Tổng		70.886.510.740	1.186.795.136	(69.699.715.604)		81.406.748.296	-	(81.406.748.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	908.860.119	(122.292)	2.434.346.701	-
Công cụ, dụng cụ	6.827.287.758	(121.352.000)	5.963.423.825	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	555.956.690	-	989.676.111	-
Hàng hóa	65.717.927.951	(5.371.406.740)	90.918.184.567	-
Tổng	74.010.032.518	(5.492.881.032)	100.305.631.204	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn	6.926.165.194	7.116.771.351
Chi phí bảo lãnh mua LPG	309.995.157	662.608.447
Chi phí sửa chữa	154.135.001	-
Chi phí thuê mặt bằng	1.989.741.704	1.993.064.423
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	912.766.554	693.341.875
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.559.526.778	3.767.756.606
b) Dài hạn	469.574.901.391	576.182.776.531
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	179.924.103.312	239.598.997.573
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	63.078.559.840	53.288.537.650
Chi phí thuê kho bãi	3.499.200.000	7.125.600.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	221.525.526.606	257.164.429.821
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.547.511.633	19.005.211.487
Tổng	476.501.066.585	583.299.547.882

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	12.490.908.150	113.557.436.691	123.913.547.817	2.134.797.024
Thuế giá trị gia tăng	11.670.674.442	91.551.589.282	102.009.675.543	1.212.588.181
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.682.178.417	20.532.881.937	149.296.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	515.613.595	(440.665.100)	15.194.856	59.753.639
Thuế thu nhập cá nhân	304.620.113	1.139.870.303	731.331.692	713.158.724
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	371.080.400	371.080.400	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	253.383.389	253.383.389	-
Phải thu	411.327.213	170.645.063	4.732.599.030	4.973.281.180
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	37.554.832	(47.747.566)	-	85.302.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	335.233.584	(56.885.208)	4.454.509.702	4.846.628.494
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	30.538.797	283.484.186	264.589.328	11.643.939
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác nộp thừa	-	(3.000.000)	13.500.000	16.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa	8.000.000	(5.206.349)	-	13.206.349

- (i) Trong đó, số dư thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm tại thời điểm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas được chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết trong năm là 488.317.776 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	84.532.101.708	98.798.899.321	80.339.363.827	7.109.011.278	2.074.966.236	272.854.342.370
Tăng trong năm	-	174.500.000	576.190.630	349.084.000	-	1.099.774.630
Mua trong năm	-	174.500.000	-	349.084.000	-	523.584.000
Phân loại lại	-	-	576.190.630	-	-	576.190.630
Giảm trong năm	(55.202.128.931)	(17.252.070.697)	(17.021.659.505)	(752.591.855)	(2.036.836.236)	(92.265.287.224)
Thanh lý, nhượng bán	-	(94.200.000)	(11.824.924.010)	-	-	(11.919.124.010)
Phân loại lại	(260.443.636)	(315.746.994)	-	-	-	(576.190.630)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	(54.941.685.295)	(16.842.123.703)	(3.694.120.977)	(752.591.855)	(2.036.836.236)	(78.267.358.066)
Giảm khác	-	-	(1.502.614.518)	-	-	(1.502.614.518)
Số dư tại ngày 31/12/2024	29.329.972.777	81.721.328.624	63.893.894.952	6.705.503.423	38.130.000	181.688.829.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	40.762.155.616	70.622.859.338	63.615.419.500	5.477.734.590	2.074.966.236	182.553.135.280
Tăng trong năm	2.643.169.005	18.132.965.031	5.473.678.170	1.479.196.389	-	27.729.008.595
Khấu hao trong năm	2.643.169.005	3.416.567.332	5.473.678.170	791.207.985	-	12.324.622.492
Phân loại lại	-	14.716.397.699	-	687.988.404	-	15.404.386.103
Giảm trong năm	(19.146.463.151)	(14.002.350.552)	(18.524.675.270)	(752.591.855)	(2.036.836.236)	(54.462.917.064)
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.209.355)	(9.127.613.061)	-	-	(9.155.822.416)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	(8.341.210.602)	(13.974.141.197)	(3.289.178.267)	(752.591.855)	(2.036.836.236)	(28.393.958.157)
Phân loại lại	(10.805.252.549)	-	(4.599.133.554)	-	-	(15.404.386.103)
Giảm khác	-	-	(1.508.750.388)	-	-	(1.508.750.388)
Số dư tại ngày 31/12/2024	24.258.861.470	74.753.473.817	50.564.422.400	6.204.339.124	38.130.000	155.819.226.811
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	43.769.946.092	28.176.039.983	16.723.944.327	1.631.276.688	-	90.301.207.090
Tại ngày 31/12/2024	5.071.111.307	6.967.854.807	13.329.472.552	501.164.299	-	25.869.602.965

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 92.032.530.514 VND (tại ngày 01/01/2024: 77.875.572.081 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2024 là 0 VND (tại ngày 01/01/2024: 8.618.319.595 VND).

5.12 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	77.003.448.071	23.671.063.855	100.674.511.926
Tăng trong năm	-	8.062.528.000	8.062.528.000
Mua trong năm	-	5.047.378.000	5.047.378.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	3.015.150.000	3.015.150.000
Giảm trong năm	-	(571.548.377)	(571.548.377)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	-	(571.548.377)	(571.548.377)
Số dư tại ngày 31/12/2024	77.003.448.071	31.162.043.478	108.165.491.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	9.511.748.185	7.403.944.873	16.915.693.058
Tăng trong năm	2.111.738.952	5.942.678.868	8.054.417.820
Khấu hao trong năm	2.111.738.952	5.942.678.868	8.054.417.820
Giảm trong năm	-	(379.435.577)	(379.435.577)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	-	(379.435.577)	(379.435.577)
Số dư tại ngày 31/12/2024	11.623.487.137	12.967.188.164	24.590.675.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	67.491.699.886	16.267.118.982	83.758.818.868
Tại ngày 31/12/2024	65.379.960.934	18.194.855.314	83.574.816.248

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 718.343.000 VND (tại ngày 01/01/2024: 526.556.977 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Xây dựng cơ bản	-	3.015.150.000
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai	-	3.015.150.000
Ứng dụng di động	-	-
Tổng	-	3.015.150.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 (Trình bày lại) VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.895.985.956	2.913.715.613
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.895.985.956	2.913.715.613
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	17.027.546.874	21.104.005.419
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.027.546.874	21.104.005.419
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

5.15 Lợi thế thương mại**a. Chi tiết lợi thế thương mại**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	382.297.507	5.032.814.488
Các công ty con khác	342.209.811	4.233.218.561
Tổng	724.507.318	9.266.033.049

b. Biến động của lợi thế thương mại trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm	116.309.727.506	115.929.494.383
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(107.043.694.457)	(89.989.886.494)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	380.233.123
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(4.688.540.293)	(17.053.807.963)
Giảm do mất kiểm soát Công ty con	(3.852.985.438)	-
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm	724.507.318	9.266.033.049

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	291.565.147.848	291.565.147.848	551.860.696.796	551.860.696.796
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	55.289.415.005	55.289.415.005	-	-
E1 Corporation	183.748.231.975	183.748.231.975	110.178.483.073	110.178.483.073
Phải trả người bán khác	63.384.796.468	63.384.796.468	229.343.254.330	229.343.254.330
Tổng	593.987.591.296	593.987.591.296	891.382.434.199	891.382.434.199

Trong đó,

Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

814.088.237	814.088.237	3.101.992.899	3.101.992.899
-------------	-------------	---------------	---------------

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí lãi vay	977.906.064	1.457.795.824
Trích trước chi phí khác	2.182.079.271	428.983.609
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	140.469.440	-
Tổng	3.300.454.775	1.886.779.433

Trong đó,

Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

1.599.088.419	-
---------------	---

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	90.000.000	-
Doanh thu cho thuê tài sản nhận được	90.000.000	-
b) Dài hạn	10.658.453.030	11.278.453.028
Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết	10.658.453.030	11.278.453.028
Tổng	10.748.453.030	11.278.453.028

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Phải trả khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.192.338.993	37.457.997.812
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.940.835	-
Kinh phí công đoàn	184.183.923	483.452.432
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	327.274.465	366.314.573
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	22.035.596.175
Cổ tức phải trả	885.420.764	885.420.764
Chiết khấu phải trả	274.451.591	3.886.018.713
Phải trả ngắn hạn khác	3.449.067.415	9.801.195.155
b) Dài hạn	19.545.549.446	130.356.115.157
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.545.549.446	130.356.115.157
Tổng	24.737.888.439	167.814.112.969
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>11.350.716.250</i>	<i>11.828.516.284</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	581.083.711.345	581.083.711.345	2.318.358.713.411	2.427.690.926.335	690.415.924.269	690.415.924.269
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>539.691.091.345</i>	<i>539.691.091.345</i>	<i>2.276.966.093.411</i>	<i>2.356.204.526.335</i>	<i>618.929.524.269</i>	<i>618.929.524.269</i>
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	20.450.044.878	20.450.044.878	20.450.044.878
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	194.930.512.303	194.930.512.303	815.027.666.237	820.714.473.827	200.617.319.893	200.617.319.893
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	61.033.446.048	61.033.446.048	775.636.027.766	976.818.271.858	262.215.690.140	262.215.690.140
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	283.727.132.994	283.727.132.994	628.521.506.553	480.440.842.917	135.646.469.358	135.646.469.358
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An	-	-	57.780.892.855	57.780.892.855	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>41.392.620.000</i>	<i>71.486.400.000</i>	<i>71.486.400.000</i>	<i>71.486.400.000</i>
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	5.110.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000	9.750.000.000	9.750.000.000	9.750.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omianishi Branch) (v)	36.282.420.000	36.282.420.000	36.282.420.000	55.087.500.000	55.087.500.000	55.087.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	-	-	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	-	-	-	328.900.000	328.900.000	328.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang)	581.083.711.345	581.083.711.345	2.318.358.713.411	2.427.690.926.335	690.415.924.269	690.415.924.269
b) Các khoản vay dài hạn	7.409.790.000	7.409.790.000	5.969.890.000	81.494.350.000	82.934.250.000	82.934.250.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)	-	-	718.800.000	5.593.800.000	4.875.000.000	4.875.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (v)	7.409.790.000	7.409.790.000	5.251.090.000	39.522.550.000	41.681.250.000	41.681.250.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên	-	-	-	19.020.000.000	19.020.000.000	19.020.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	-	-	-	17.358.000.000	17.358.000.000	17.358.000.000
Tổng	588.493.501.345	588.493.501.345	2.324.328.603.411	2.509.185.276.335	773.350.174.269	773.350.174.269

(i) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Mizuho HCM”) ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:

- Hạn mức tín dụng : Ngân hàng Mizuho HCM đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu : Ngày 25/3/2020. Trừ khi Ngân hàng Mizuho HCM ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng MUFG HCM”):

Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác

Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng MUFG HCM

Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng MUFG HCM thông báo khác đi tới Công ty.

Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Bangkok HCM”) số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay

Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

Biện pháp bảo đảm : Thu tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iv) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(v) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691
Lỗi trong năm trước (đã điều chỉnh hồi tố)	-	-	-	-	(153.281.822.688)	(769.174.593)	(154.050.997.281)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	1.390.991.708	1.390.991.708
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	(11.049.729.314)	-	(11.049.729.314)
Biến động khác do hợp nhất	-	-	-	-	(6.112.362.198)	(3.876.331)	(6.116.238.529)
Số dư tại ngày 31/12/2023 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(84.767.270.589)	30.188.929.648	320.556.957.275
Số dư tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(84.767.270.589)	30.188.929.648	320.556.957.275
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	7.129.425.755	(1.790.328.275)	5.339.097.480
Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	1.341.478.942	-	1.341.478.942
Mất kiểm soát Công ty con (i)	-	-	-	-	-	(22.416.304.883)	(22.416.304.883)
Biến động khác	-	-	-	-	2.279.004.220	-	2.279.004.220
Số dư tại ngày 31/12/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(74.017.361.672)	5.982.296.490	307.100.233.034

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần MT Gas, một Công ty con của Công ty trong năm 2023, đã huy động thêm vốn từ các cổ đông khác và tăng vốn điều lệ từ 63.000.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND. Việc này làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần MT Gas từ 67,56% thành 40,73%, theo đó, Công ty Cổ phần MT Gas không còn là Công ty con của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi giảm toàn bộ lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần MT Gas tại ngày mất kiểm soát Công ty con, đồng thời, ghi nhận khoản lỗ từ việc mất kiểm soát Công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số 6.4). Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	306.228.116	306.228.116

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	74.337,88	4.340,17
Theo giá trị tương đương VND	1.877.105.808	105.773.014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt	848.863.238	848.863.238	Năm 2023
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	1.199.617.606	Năm 2023
Công ty Cổ phần Petrolimex	13.238.290	13.238.290	Năm 2023
Tổng	3.361.719.134	3.361.719.134	

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	3.270.031.179.818	3.782.550.488.653
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	9.874.189.514	12.090.487.167
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	54.701.217.642	33.925.276.303
Tổng	3.334.606.586.974	3.828.566.252.123
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>976.433.122.906</i>	<i>929.356.738.552</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	19.583.637.426	97.596.637.270
Giảm giá hàng bán	1.662.196.637	852.461.895
Hàng bán bị trả lại	6.623.778.204	7.424.316.953
Tổng	27.869.612.267	105.873.416.118
<i>Trong đó,</i>		
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>10.266.607.120</i>	<i>34.086.247.231</i>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán LPG	3.242.161.567.551	3.676.677.072.535
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	9.874.189.514	12.090.487.167
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	54.701.217.642	33.925.276.303
Tổng	3.306.736.974.707	3.722.692.836.005

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán LPG	2.930.131.493.296	3.286.487.242.185
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.262.445.151	-
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	51.089.386.765	44.327.558.319
Tổng	2.986.483.325.212	3.330.814.800.504

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.335.485.194	8.998.038.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.964.399.588	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.218.695.960	4.421.197.397
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	1.126.266.574	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.754	44.891.620
Tổng	16.644.876.070	14.664.127.973

Trong đó,

Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

757.817.528

376.240.343

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	25.173.672.415	39.511.685.191
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	16.340.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.639.930.175	15.215.306.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	168.080.000	-
Lỗ do mất kiểm soát Công ty con	3.229.134.166	-
Lỗ do chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết và chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	261.042.027
Chi phí tài chính khác	796.000	1.548.000
Tổng	48.211.612.756	71.329.582.126

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	79.926.947.782	94.047.548.349
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	9.105.707.444	20.272.787.267
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.398.064.759	1.305.909.549
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.229.835.290	5.740.031.543
Chi phí liên quan đến vỏ bình gas, trong đó:		
+ Chi phí mua vỏ bình gas	33.974.657.392	45.548.337.832
+ Chi phí sơn sửa, kiểm định vỏ bình gas	19.148.117.285	23.076.657.650
+ Chi phí thay van	2.114.203.465	2.630.013.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.664.065.745	48.496.888.117
Chi phí bằng tiền khác	9.679.845.764	18.264.921.152
Tổng	208.241.444.926	259.383.095.272

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.930.676.422	33.436.402.709
Chi phí vật liệu quản lý	210.419.520	363.834.599
Chi phí đồ dùng văn phòng	608.815.704	731.438.043
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.801.472.153	4.643.251.367
Thuế phí và lệ phí	44.000.000	33.567.000
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7.832.374.491)	77.542.156.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.216.488.590	13.463.836.284
Chi phí bằng tiền khác	9.052.003.648	16.334.943.129
Phân bổ lợi thế thương mại do hợp nhất kinh doanh	4.688.540.293	17.053.807.963
Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG	36.177.405.397	36.188.089.416
Tổng	87.897.447.236	199.791.326.851

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	662.771.519	474.046.334
Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	3.064.344.427	1.313.141.541
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	3.693.557.902	2.021.210.635
Các khoản khác	1.222.800.925	4.779.966.158
Tổng	8.643.474.773	8.588.364.668
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	103.051.874	875.232.701
Chi phí thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	-	691.251.406
Chi phí thuê kho, văn phòng của chi nhánh, cửa hàng đang tạm ngưng hoạt động	192.500.000	6.688.727.077
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý tháo dỡ	224.294.837	2.036.809.457
Các khoản khác	828.634.987	4.365.970.146
Tổng	1.348.481.698	14.657.990.787
Lợi nhuận khác	7.294.993.075	(6.069.626.119)
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>-</i>	<i>71.250.000</i>

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	488.317.776
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	48.812.971	959.260.584
Tổng	48.812.971	1.447.578.360

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	21.104.005.419
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	124.000.000	251.690.604
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(106.270.343)	(21.558.442)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(4.076.458.545)	-
Tổng	(4.058.728.888)	21.334.137.581

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	7.129.425.755	(153.281.822.688)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	7.129.425.755	(153.281.822.688)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	191	(4.105)

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.865.580.370	108.326.872.563
Chi phí nhân công	124.029.849.930	127.483.951.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	25.067.580.605	40.803.802.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.224.151.558	50.920.186.498
Chi phí khác bằng tiền	40.315.850.289	67.481.213.490
Tổng	361.503.012.752	395.016.026.502

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 06/02/2025, Công ty thực hiện Công bố thông tin theo Thông báo số 05/2025/TB CBTT-ASP đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc phong tỏa tài sản đảm bảo trong tài khoản gửi tiết kiệm của Công ty với số tiền là 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn, để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty đối với Người quản lý cũ của Công ty liên quan đến việc điều hành quản lý.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính Hợp nhất này, Công ty đang tiếp tục theo dõi và chưa nhận được kết luận cuối cùng của vụ kiện từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.2 Các cam kết**a. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	6,307,426,000	6,459,336,000
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	5,299,662,000	10,848,208,000
Trên 05 năm	-	-
Tổng	11,607,088,000	17,307,544,000

b. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 01 năm trở xuống	3.364.363.632	-
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	2.523.272.724	-
Trên 05 năm	-	-
Tổng	5.887.636.356	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn)	Công ty con của Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
13	Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
14	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
15	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết
17	Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác	3.133.093.801	3.785.271.280

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Chủ tịch (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Đến ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Kobayashi Naoki	Thành viên (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Thành viên (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên độc lập (Từ ngày 28/6/2024)	-	-
Ông Kentaro Jimba	Thành viên độc lập (Từ ngày 29/8/2024)	-	-
Tổng		-	-

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Đến ngày 29/8/2024)	-	-
Ông Kentaro Jimba	Chủ tịch (Từ ngày 29/8/2024)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Đến ngày 29/6/2024)	-	-
Ông Nitta Kazufuku	Thành viên (Từ ngày 29/6/2024)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 28/6/2024, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, không kể thành viên Hội đồng Quản trị độc lập mới được bổ nhiệm, là 0 VND. Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty chưa chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc (Đến ngày 11/5/2024)	218.933.566	507.573.717
Ông Kobayashi Naoki	Tổng Giám đốc	538.384.763	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 20/5/2024)	-	-
Ông Sakamoto Shinichiro	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 20/5/2024)	644.480.585	
Ông Trần Duy Luân	Người phụ trách quản trị Công ty; Giám đốc tài chính (Đến ngày 13/5/2024)	676.305.500	493.534.850
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	497.015.329	613.990.171
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	557.974.058	483.260.792
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin (đến ngày 17/10/2023)		756.430.767
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty (đến ngày 13/5/2024)	-	302.462.500
Ông Yasuyoshi Kasahara	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm cán bộ phụ trách kinh doanh	-	628.018.483
Tổng		3.133.093.801	3.785.271.280

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			30,513,853,385	29,588,784,767
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Phí bảo lãnh tính dụng	688,831,417	4,125,624,608
		Phí bảo hiểm	-	197,246,539
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	12,552,000,000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG, thuê xe	236,230,427	73,170,454
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, thuê xe	2,233,385,450	2,552,945,448
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phí vận chuyển, chiết nạp	5,021,745,914	3,810,081,718
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	3,477,079,310	-
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	1,618,991,196	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na (Tên trước đây: Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn)	check	Mua hàng hóa	1,029,966,100	3,993,320,900
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	1,557,343,576
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Phí chiết nạp	(iii)	727,051,524
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	15,909,018,684	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	297,645,637	-
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Mua hàng hóa, dịch vụ	959,250	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng			976.433.122.906	929.356.738.552
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	821.591.948	947.459.747
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG và hàng hóa khác	(ii)	37.754.456.884
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	53.087.266.258	54.934.807.830
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	34.239.340.162	42.931.040.432
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cho thuê xe	39.420.363.243	75.914.184.569
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	21.708.408.695	206.550.978.022
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Bán LPG	47.020.446.556	72.201.036.892
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	183.269.664.306	210.654.872.920
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	81.787.716.141	7.849.847.209
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG, cho thuê xe	(i)	10.400.745.334
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG và dịch vụ khác	164.191.119.463	184.809.805.816
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	341.411.735.936	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	Bán LPG, cho thuê xe	9.475.470.198	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	(i)	24.407.502.897

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
<u>Giảm trừ doanh thu</u>			10.266.607.120	34.086.247.231
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	1.385.704.621	26.938.249.067
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	2.671.614.091	5.959.474.545
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	4.356.694.090	740.003.636
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Chiết khấu thương mại	(iii)	448.519.983
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	1.852.594.318	-
<u>Giao dịch cho vay</u>				
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay bằng cách chuyển đổi công nợ	20.000.000.000	-
		Tiền gốc cho vay thu hồi	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Tiền gốc chi cho vay	1.450.000.000	-
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay thu hồi	3.800.000.000	2.375.000.000
<u>Doanh thu hoạt động tài chính</u>			757.817.528	376.240.343
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Lãi vay	255.516.162	376.240.343
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi vay	100.109.586	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lãi vay	402.191.780	-
<u>Thu nhập khác</u>			-	71.250.000
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Xuất bán vỏ chai LPG	-	71.250.000
<u>Giao dịch khác</u>			90.000.000	-
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	Công ty liên kết	Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản	90.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		201.505.617.902	278.687.690.835
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	30.088.048.777	28.892.655.888
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	7.253.189.744	7.338.179.159
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	22.827.532.205	24.422.300.737
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	14.639.989.743	60.106.468.187
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	21.242.915.418	12.346.196.223
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	33.956.979.087	49.642.042.138
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	8.401.831.451	26.488.590.564
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	(iii)	9.101.555.929
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	18.705.295.182	15.685.914.820
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng		44.663.787.190
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	43.934.711.764	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	455.124.531	-
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		-	24.995.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	-	24.995.000.000
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		560.709.177	4.018.721.101
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	134.794.520	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	9.236.301	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	16.678.356	-
Saisan Co., Ltd.	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	-	3.618.721.101
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		293.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	293.000.000	-
<u>Phải thu về cho vay</u>		30.662.320.000	18.012.320.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	475.000.000	4.275.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.450.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		814,088,237	3,101,992,899
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	347,203,260	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	-	1,829,750,457
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	106,272,000	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	-	609,386,810
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	(iii)	210,070,572
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	203,936,391	384,790,353
Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	-	67,994,707
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	90,497,805	(i)
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết	66,178,781	-
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>		1,599,088,419	-
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	1,599,088,419	-
<u>Phải trả dài hạn khác</u>		11,350,716,250	11,828,516,284
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1,895,880,000	1,895,880,000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	5,172,286,250	9,914,313,254
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	4,282,550,000	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	(iii)	18,323,030
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty liên kết	-	(i)

- (i) Công ty Cổ phần MT Gas trở thành Công ty liên kết trong năm 2024, do vậy, Công ty không trình bày số liệu so sánh.
- (ii) Trong năm 2024, Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang là Công ty con của Công ty.
- (iii) Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung không còn là bên liên quan của Công ty từ ngày 01/01/2024.

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu và khoản mục đã được điều chỉnh hồi tố, chi tiết trình bày dưới đây.

Do việc Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số số liệu và thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số liệu và thông tin so sánh như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.309.627.181.665	1.218.787.408.937	(90.839.772.728)	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	890.473.498.514	799.633.725.786	(90.839.772.728)	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	836.463.678.770	745.623.906.042	(90.839.772.728)	(i)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	962.228.479.381	993.658.991.252	31.430.511.871	
Tài sản dài hạn khác	260	556.932.013.322	588.362.525.193	31.430.511.871	
Chi phí trả trước dài hạn	261	544.752.264.660	576.182.776.531	31.430.511.871	(i)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.271.855.661.046	2.212.446.400.189	(59.409.260.857)	
NỢ PHẢI TRẢ	300	1.881.448.429.012	1.891.889.442.914	10.441.013.902	
Nợ ngắn hạn	310	1.647.573.925.363	1.646.216.619.310	(1.357.306.053)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.848.214.203	12.490.908.150	(1.357.306.053)	(ii)
Nợ dài hạn	330	233.874.503.649	245.672.823.604	11.798.319.955	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	9.305.685.464	21.104.005.419	(11.798.319.955)	(ii)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	390.407.232.034	320.556.957.275	(69.850.274.759)	
Vốn chủ sở hữu	410	390.407.232.034	320.556.957.275	(69.850.274.759)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(14.917.352.286)	(84.767.270.589)	(69.849.918.303)	
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(83.431.904.385)	(153.281.822.688)	(69.849.918.303)	
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	30.189.286.104	30.188.929.648	(356.456)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.271.855.661.046	2.212.446.400.189	(59.409.260.857)	

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tóm lược)

		Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Ghi chú
Chi phí bán hàng	25	275.867.289.568	259.383.095.272	(16.484.194.296)	(iii)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	182.943.723.971	199.791.326.851	16.847.602.880	(iii)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(124.836.246.637)	(125.199.655.221)	(363.408.584)	
Thu nhập khác	31	67.634.216.941	8.588.364.668	(59.045.852.273)	(i)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(71.860.020.483)	(131.269.281.340)	(59.409.260.857)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.804.884.413	1.447.578.360	(1.357.306.053)	(ii)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	9.535.817.626	21.334.137.581	11.798.319.955	(ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(84.200.722.522)	(154.050.997.281)	(69.850.274.759)	
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(83.431.904.385)	(153.281.822.688)	(69.849.918.303)	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(768.818.137)	(769.174.593)	(356.456)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3

Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (tóm lược)**

		VND	VND	VND chú
Lợi nhuận trước thuế	01	(71.860.020.483)	(131.269.281.340)	(59.409.260.857)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(265.244.313.234)	(174.404.540.506)	90.839.772.728
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	119.379.989.715	87.949.477.844	(31.430.511.871)

(i) Công ty điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận thu nhập khác từ việc chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình do giao dịch này không đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong năm 2023, chi tiết các thông tin thuyết minh bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh hồi tố như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5.3) (tóm lược)

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Công ty TNHH Dầu khí Phát Tiến	99.923.750.000	9.083.977.272	(90.839.772.728)
Tổng	836.463.678.770	745.623.906.042	(90.839.772.728)

Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 5.9) (tóm lược)

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
b) Dài hạn	544.752.264.660	576.182.776.531	31.430.511.871
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG	225.733.917.950	257.164.429.821	31.430.511.871
Tổng	551.869.036.011	583.299.547.882	31.430.511.871

Lợi nhuận khác (Thuyết minh số 6.7) (tóm lược)

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
Thu nhập khác			
Thu nhập từ chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình	59.045.852.273	-	(59.045.852.273)
Tổng	67.634.216.941	8.588.364.668	(59.045.852.273)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

(ii) Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố nghiệp vụ ghi nhận thu nhập khác tại mục (i), giá trị dự phòng giảm giá đầu tư của khoản đầu tư vào Công ty con được điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính riêng, từ đó ảnh hưởng đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất, chi tiết như sau:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 5.10) (tóm lược)

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.872.919.648	515.613.595	(1.357.306.053)
Tổng các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.848.214.203	12.490.908.150	(1.357.306.053)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Thuyết minh 5.14) (tóm lược)

	01/01/2024 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2024 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	9.305.685.464	21.104.005.419	11.798.319.955
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	9.305.685.464	21.104.005.419	11.798.319.955

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuyết minh số 6.8) (tóm lược)

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.845.623.829	488.317.776	(1.357.306.053)
Tổng	2.804.884.413	1.447.578.360	(1.357.306.053)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh số 6.9) (tóm lược)

	Số đã trình bày năm trước VND	Số trình bày lại VND	Điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.305.685.464	21.104.005.419	11.798.319.955
Tổng	9.535.817.626	21.334.137.581	11.798.319.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

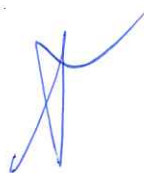
(iii) Công ty thực hiện phân loại lại chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG tại khu vực Hà Nội từ chi phí bán hàng sang chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị là 16.484.194.296 VND, đồng thời, Công ty bổ sung phần chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG tại khu vực phía nam (đối với mảng kinh doanh hộ gia đình) do năm trước Công ty dùng phân bổ để chuyển nhượng, tuy nhiên, giao dịch này không đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và đã được điều chỉnh hồi tố tại mục (i).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Sakamoto Shinichiro

